TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS-PT
Ngày 26 - 01 - 2024

V/v *"Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm

Các Thẩm phán: Ông Đinh Huy Lưỡng

Bà Nguyễn Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2023/TLPT- DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐ-PT ngày 15/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1960; địa chỉ thôn 14, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1967; địa chỉ thôn 14, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1977; nơi cư trú thôn 14, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1957; địa chỉ thôn 13, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ thôn 15, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Bà Phạm Thị S, sinh năm 1966; địa chỉ thôn 17, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1972; địa chỉ xóm 1, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1974; địa chỉ xóm 5, xã KH, huyện YK, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Ông Phạm Đình Tr, sinh năm 1955; địa chỉ số nhà 410/2, tổ 2, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

- Ông Phạm Xuân Ư, sinh năm 1960; địa chi số nhà 52/34, đường TP, khóm 2, phường TT , thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

4. Người kháng cáo: bị đơn ông Phạm Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Nh trình bày:

Năm 1990 Nhà nước cấp đất giãn dân làm nhà ở, tiêu chuẩn là người đã có gia đình nhưng không có chỗ ở. Khi đó bà Nh đủ tiêu chuẩn được cấp đất, bà Nh đã làm đơn, nộp tiền đất và được Nhà nước cấp cho diện tích 300m^2 đất tại thôn 14, xã KT, huyện YK. Ngày 28/8/1994 UBND huyện Kim Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 924789 tên chủ sử dụng đất là Phạm Thị Nh, số thửa 371, tờ bản đồ số 08, xã KT lập năm 1997. Ngày 31/12/2016 UBND huyện YK cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 868854 tên chủ sử dụng đất là Phạm Thị Nh, diện tích 301,3m^2 và đổi thành thửa số 80, tờ bản đồ số 25, xã KT lập năm 2015.

Năm 2008 ông D (là em trai bà Nh) thành lập doanh nghiệp tư nhân ThT do ông D làm chủ, để kinh doanh buôn bán xăng dầu, ông D và bà Nh thỏa thuận, bà Nh cho ông D mượn thửa đất số 371 (nay là thửa số 80) của bà Nh để ông D mở cây xăng. Ngày 14/7/2008 bà Nh và ông D có làm Đơn xin chứng thực với nội dung "*Bà Nh cho ông D mượn thửa đất để kinh dO xăng dầu với thời hạn là 49 năm*" đơn này có gửi đến xã để đóng dấu. Sau khi ông D mượn đất của bà Nh đã xây dựng nhà mái che và đặt 02 cây bơm xăng và 02 téc xăng, trên diện tích đất khoảng 100m^2 phần giáp với đường giao thông và buôn bán xăng dầu. Từ năm 2018 ông D không buôn bán xăng dầu nữa, giữa bà Nh và ông D sảy ra mâu thuẫn, bà Nh đã nhiều lần yêu cầu ông D phải tháo dỡ cây xăng để trả lại đất cho bà Nh, nhưng ông D không trả lại đất cho bà Nh, ông D

còn tiếp tục phá dỡ ngôi nhà cũ của bà Nh đang ở phía sau của thửa đất và đến năm 2020 ông D xây dựng thêm nhà ở hiện nay của ông D. Bà Nh không đồng ý cho ông D xây nhà trên đất của bà Nh và đã báo với UBND xã, nhưng ông D vẫn xây dựng nhà trên đất của bà Nh.

Nay ông D không kinh doanh xăng dầu nữa, bà Nh có nhu cầu lấy lại thửa đất này để lấy chỗ ở. Bà Nh đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông D phải tháo dỡ toàn bộ tài sản của ông D xây dựng trên thửa đất của bà Nh gồm 02 cây xăng, 02 téc xăng, tường rào, 04 trụ cột bê tông, 04 trụ cột thép, phần mái của cây xăng, nhà ở của ông D và sân bê tông để trả lại đất cho bà Nh diện tích 301,3m^{2}đất tại thửa số 80, tờ bản đồ số 25, xã KT lập năm 2015. Từ khi ông D mượn thửa đất này của bà Nh, ông D không san lấp gì trên thửa đất này của bà Nh.

Tại biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn D trình bày:

Bà Nh là chị gái ông D. Năm 1990 bà Nh bỏ chồng bế con về ở cùng với bố mẹ và ông D tại nhà của bố mẹ ở thôn 14, xã KT, cả 4 người gồm bố mẹ, bà Nh và ông D đều lao động, thu nhập, ăn uống, chi tiêu, sinh hoạt chung với nhau.

Cùng năm 1990 Nhà nước cấp đất giãn dân làm nhà ở có thu tiền, tiêu chuẩn là người đã có gia đình, nhưng còn ở chung với bố mẹ thì được cấp đất, nên bà Nh được tiêu chuẩn cấp đất. Do vậy, ông D có làm đơn xin cấp đất cho bà Nh, đơn xin cấp đất đứng tên bà Nh, nộp tiền cấp đất cho Nhà nước là do bố mẹ đưa cho bà Nh nộp và Nhà nước cấp cho bà Nh một mảnh đất diện tích là 300m^2, tại thửa số 371, tờ bản đồ số 08 (nay là thửa số 80, tờ bản đồ số 25) bản đồ địa chính xã KT, địa chỉ thửa đất tại thôn 14, xã KT, huyện YK. Đến năm 1994, Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị Nh, hiện nay bà Nh đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại thời điểm cấp đất, thì thửa đất này là ruộng cấy, khi đó gia đình có một cái thuyền, nên bố mẹ và chị em trong gia đình đã san lấp thửa đất này thành bãi, đến năm 1991 ông D có ra thửa đất này để làm nghề đóng ngói xi măng và làm gạch lát nền. Gia đình có xây 03 gian nhà để chứa vật liệu, tiền bỏ ra để xây dựng 03 gian nhà này là của chung bố mẹ, bà Nh và ông D (vì khi đó gia đình ở chung với nhau), ông D làm nghề tại thửa đất này đến năm 2001 thì đi Miền Nam làm ăn, nhà đất này giao lại cho bà H sử dụng.

Cuối năm 2006 ông D về, năm 2008 ông D thành lập doanh nghiệp tư nhân Thành Trang do ông D làm chủ, để kinh doanh bán xăng dầu tại thửa đất số 371 (nay là thửa số 80, tờ bản đồ số 25), nƯ khi làm thủ tục thành lập doanh nghiệp thì có vướng thửa đất này là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nh, nên ông D và bà Nh có bàn bạc thống nhất là "Bà Nh cho ông D thuê

thửa đất số 371 này của bà Nh với thời hạn thuê là 49 năm, mỗi tháng ông D trả cho bà Nh là 2.000.000 đồng", ông D đã trả nhiều lần tiền thuê đất cho bà Nh, số tiền trả cụ thể ông D không nhớ, mỗi lần trả tiền hai chị em không viết giấy tờ gì cho nhau. Ông D đặt 02 trụ bơm gồm 01 trụ xăng và 01 trụ dầu và đặt 02 téc xăng dầu, ông D kinh doanh xăng dầu được khoảng 02 năm, đến năm 2010 thì ông D cưới vợ và chuyển sang làm đại lý hãng bia Nada, nên ông D cho bà Th lên làm đại lý bán xăng dầu. Đến năm 2013 bà Th đã có hành vi chiếm đoạt doanh nghiệp của ông D, từ năm 2017 bà Nh và bà Th đã đuổi ông D ra khỏi doanh nghiệp, nên hai bên có xảy ra tranh chấp tài sản là téc xăng và cây xăng. Từ năm 2018 doanh nghiệp tư nhân ThT dừng hoạt động kinh doanh xăng dầu cho đến nay. Năm 2020 vợ chồng ông D và bà O đã xây dựng một nhà ở và sân tại thửa đất số 80 này để ở, ông D còn có san lấp trên thửa đất này.

Nay bà Nh yêu cầu ông D phải tháo dỡ trụ xăng dầu, 02 téc xăng dầu và toàn bộ tài sản của ông D đã xây dựng trên thửa đất và trả lại thửa đất số 371 (nay là thửa số 80, tờ bản đồ số 25) cho bà Nh. Quan điểm của ông D là ông D đã thuê thửa đất này của bà Nh là 49 năm, đến nay chưa hết thời hạn hợp đồng 49 năm thuê đất, nên ông D không đồng ý trả lại thửa đất này cho bà Nh như yêu cầu khởi kiện của bà Nh. Về tài sản của vợ chồng ông D và bà O xây dựng trên thửa đất, khi hết 49 năm thì ông D sẽ tháo dỡ toàn bộ tài sản của vợ chồng ông D xây dựng trên đất để trả lại thửa đất cho bà Nh, hoặc nếu bà Nh đền bù tiền do ông D bị thiệt hại khi chưa sử dụng đất thuê hết 49 năm, số tiền đền bù ông D chưa xác định được.

Tại đơn đề nghị ngày 26/5/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị O trình bày:

Tháng 6/2010 bà O mới lập gia đình với ông D, vì khi bà O về thì cơ sở hạ tầng của ông D đã có, còn vấn đề tranh chấp đất đai của gia đình ông D và bà Nh trước đó thì bà O không biết rõ.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đình Tr trình bày:

Năm 1990 bà Nh mâu thuẫn với chồng nên bế con về ở cùng với bố mẹ ông tại thôn 14, xã KT. Năm 1990 Nhà nước cấp đất giãn dân làm nhà ở có thu tiền, bà Nh có đủ tiêu chuẩn được cấp đất, nên gia đình có lấy tên bà Nh để xin đất, còn thủ tục xin đất, nộp tiền cấp đất cụ thể thế nào ông Tr không biết. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị Nh. Việc sử dụng thửa đất này ông Tr chỉ biết là có mở cửa hàng bán xăng dầu. Nay bà Nh yêu cầu ông D tháo dỡ trụ xăng dầu, 02 xéc xăng dầu và trả lại thửa đất số 371 (nay là thửa số 80, tờ bản đồ số 25) bản đồ địa chính xã KT cho bà Nh. Quan điểm của ông Tr

là mảnh đất này không có liên quan gì đến ông Tr, ông Tr không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ trình bày:

Năm 1990 ông D chưa có gia đình nên ở chung với bố mẹ, thời gian này bà Nh mâu thuẫn với chồng nên bế con về ở cùng với bố mẹ tại thôn 14, xã KT. Về việc bà Nh được cấp mảnh đất (hiện đang có tranh chấp giữa bà Nh với ông D) như thế nào ông Đ không biết. Ông Đ chỉ nghe khi đó ông D chưa có gia đình, bà Nh đã có gia đình nên gia đình có lấy tên bà Nh để xã cấp đất cho bà Nh. Ông Đ cũng chỉ nghe là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị Nh. Việc sử dụng mảnh đất này ông Đ chỉ biết là có mở cửa hàng bán xăng dầu.

Nay bà Nh yêu cầu ông D phải tháo dỡ trụ xăng dầu, 02 téc xăng dầu và trả lại thửa đất số thửa 371 (nay là thửa 80, tờ bản đồ số 25) cho bà Nh. Quan điểm của ông Đ là ông Đ không có yêu cầu gì, không đòi hỏi quyền lợi gì tại mảnh đất này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân Ư trình bày:

Năm 1990 ông D chưa có gia đình nên ở chung với bố mẹ, cùng thời gian này bà Nh mâu thuẫn với chồng nên có bế con về ở cùng với bố mẹ tại thôn 14, xã KT. Ông Ư chỉ được nghe kể lại là vào năm 1990 Nhà nước có bán cho bố mẹ 01 xuất đất, việc mua bán, nhận đất, đơn xin cấp đất như thế nào ông Ư không biết, ông Ư cũng chỉ nghe kể lại thời điểm này bà Nh đã có gia đình và về ở cùng với bố mẹ, nên gia đình có cho bà Nh đứng tên mảnh đất này, ông Ư cũng chỉ nghe Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Phạm Thị Nh. Việc sử dụng mảnh đất này ông Ư chỉ biết là có mở cửa hàng bán xăng dầu.

Nay bà Nh yêu cầu ông D phải tháo dỡ trụ xăng dầu, 02 téc xăng dầu và trả lại thửa đất số thửa 371 (nay là thửa 80, tờ bản đồ số 25) cho bà Nh. Quan điểm của ông Ư là ông Ư không có yêu cầu gì, không đòi hỏi quyền lợi gì tại mảnh đất này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày:

Năm 1990 bà Nh mâu thuẫn với chồng nên bế con về ở cùng với bố mẹ tại thôn 14, xã KT. Năm 1990 Nhà nước có cấp đất giãn dân làm nhà ở, nên bố có nói với bà Nh là "Nhà nước đang cấp đất giãn dân, nên mày lên mà làm đơn để Nhà nước cấp đất cho mẹ con mày", nên bà Nh có làm đơn và được Nhà nước duyệt và cấp cho bà Nh mảnh đất (đất đang có tranh chấp giữa bà Nh với ông D). Việc nộp tiền cấp đất bà Nh đã nộp như thế nào bà H không biết. Sau khi

được Nhà nước cấp đất, bố bà H có xây dựng mấy gian nhà cho bà Nh ở, nhưng bà Nh không ở mà cho ông D ra ở nhờ để mở xưởng đóng gạch ngói, khoảng năm 2001 ông D đi Miền Nam thì bà H ra thửa đất này ở nhờ được khoảng 02 năm thì bà Nh lại ra mảnh đất này ở một thời gian thì xảy ra tranh chấp đánh nhau giữa bà Nh với ông D và bà Nh không ở tại mảnh đất này nữa. Ông D và bà Th mở cây xăng, nên đã mượn mảnh đất này của bà Nh để mở cây xăng. Bà H khẳng định thửa đất tại thôn 14, xã KT, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị Nh, đang có tranh chấp giữa bà Nh và ông D là tài sản của bà Nh, không phải là tài sản của bố mẹ.

Nay bà Nh yêu cầu ông D phải tháo dỡ trụ xăng dầu, 02 téc xăng dầu và trả lại thửa đất số thửa 371 (nay là thửa 80, tờ bản đồ số 25) cho bà Nh. Vì mảnh đất này là của bà Nh, do bà Nh làm đơn xin đất, nên thuộc quyền của bà Nh, bà H không có yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S trình bày:

Năm 1990 bà Nh mâu thuẫn với chồng nên bế con về ở cùng với bố mẹ tại thôn 14, xã KT. Năm 1990 Nhà nước có cấp đất giãn dân làm nhà ở, nên bố có nói với bà Nh là "Nhà nước đang cấp đất giãn dân, nên mày lên mà làm đơn để Nhà nước cấp đất cho mẹ con mày", nên bà Nh có làm đơn và được Nhà nước duyệt và cấp cho bà Nh mảnh đất hiện đang tranh chấp giữa bà Nh với ông D, việc nộp tiền cấp đất bà Nh đã nộp như thế nào bà S không biết. Sau khi được Nhà nước cấp đất, bố bà S có xây dựng mấy gian nhà cho bà Nh ở, nhưng bà Nh không ở mà cho ông D ra ở nhờ để mở xưởng đóng gạch ngói, khoảng năm 2001 ông D đi Miền Nam thì bà H ra thửa đất này ở nhờ được khoảng 02 năm thì bà Nh lại ra mảnh đất này ở một thời gian thì xảy ra tranh chấp đánh nhau giữa bà Nh với ông D, bà Nh không ở tại mảnh đất này nữa. Việc mượn đất để mở cây xăng như thế nào bà S không biết. Bà S khẳng định thửa đất tại thôn 14, xã KT, đang có tranh chấp giữa bà Nh và ông D là tài sản của bà Nh, không phải là tài sản của bố mẹ.

Nay bà Nh yêu cầu ông D phải tháo dỡ trụ xăng dầu, 02 téc xăng dầu và trả lại thửa đất số thửa 371 (nay là thửa 80, tờ bản đồ số 25) cho bà Nh. Vì mảnh đất này là của bà Nh, do bà Nh làm đơn xin đất, nên thuộc quyền của bà Nh, bà S không có yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Th trình bày:

Năm 1990 bà Nh mâu thuẫn với chồng nên bế con về ở cùng với bố mẹ tại thôn 14, xã KT. Về thửa đất số 371 (nay là thửa 80, tờ bản đồ số 25) xã KT; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị Nh đang có tranh chấp

giữa bà Nh với ông D, bà Th chỉ nghe nói lại là vào năm 1990 Nhà nước có cấp đất giãn dân làm nhà ở, nên bà Nh có làm đơn và được Nhà nước cấp cho bà Nh mảnh đất này. Bà Nh đã nộp tiền cấp đất như thế nào bà Th không biết. Sau khi được cấp đất, bố bà Th có đứng ra xây dựng mấy gian nhà cho bà Nh ở, khi đó chị em có ra giúp cho bà Nh xây nhà, sau khi xây xong nhà bà Nh không ở mà cho ông D ra ở nhờ để mở xưởng đóng gạch ngói, khoảng năm 2001 ông D đi Miền Nam thì bà H ra ở nhờ thửa đất này được khoảng 02 năm, thì bà Nh lại ra mảnh đất này ở một thời gian thì xảy ra tranh chấp đánh nhau giữa bà Nh với ông D, bà Nh không ở tại mảnh đất này nữa. Ông D mượn hoặc thuê mảnh đất này của bà Nh để mở cây xăng như thế nào bà Th không biết. Bà Th khẳng định thửa đất này là tài sản của bà Nh, không phải là tài sản của bố mẹ.

Nay bà Nh yêu cầu ông D phải tháo dỡ trụ xăng dầu, 02 téc xăng dầu và trả lại thửa đất số thửa 371 (nay là thửa 80, tờ bản đồ số 25) cho bà Nh. Vì mảnh đất này là của bà Nh, do bà Nh làm đơn xin đất, nên thuộc quyền của bà Nh, bà Th không có yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ch trình bày:

Thửa đất đang có tranh chấp giữa bà Nh với ông D, nguồn gốc là trước đây gia đình bà Ch đông anh chị em, nên bố bà Ch có bảo bà Nh viết đơn xin đất mà ở, nên bà Nh đã viết đơn xin mảnh đất này cho bà Nh, mảnh đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nh. Sau khi được Nhà nước cấp đất, bà Nh có ra thửa đất này để ở. Lý do ông D ở tại thửa đất này như thế nào và ở từ thời gian nào bà Ch không biết và cũng không quan tâm gì đến thửa đất này. Việc sử dụng mảnh đất này làm cây xăng và bán xăng như thế nào bà Ch không biết. Quan điểm của bà Ch mảnh đất đang tranh chấp giữa bà Nh và ông D là tài sản của bà Nh.

Nay bà Nh yêu cầu ông D phải tháo dỡ trụ xăng dầu, 02 téc xăng dầu và trả lại thửa đất số thửa 371 (nay là thửa 80, tờ bản đồ số 25) cho chị Nh. Vì mảnh đất này là của bà Nh, do bà Nh làm đơn xin đất, nên thuộc quyền của bà Nh, bà Ch không có yêu cầu gì.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và chứng thư thẩm định giá ngày 05/5/2023 thể hiện: 01 Nhà ở diện tích 140m^2 trị giá là 216.948.624 đồng; Sân bê tông trị giá là 55.626.251 đồng; 01 đoạn tường bao dài 4,5m trị giá 758.131 đồng; Nhà mái của cây xăng gồm: 04 cột bê tông trị giá 2.589.485 đồng; 04 cột trống bằng thép trụ tròn trị giá 669.600 đồng; mái lợp tôn đỡ mái bằng thép hình trị giá 28.495.262 đồng; 02 cây bơm xăng trị giá 5.000.000 đồng; 02 téc chứa xăng trị giá 40.500.000 đồng;

Tại bản án sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình đã quyết định: Căn cứ các Điều 494, Điều 496, Điều 499 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiên của bà Phạm Thị Nh: Buộc ông Phạm Văn D phải trả lại cho bà Phạm Thị Nh diện tích 301,3m^2 đất, tại thửa số 371, tờ bản đồ số 08, bản đồ địa Chh xã KT lập năm 1997 (nay là thửa số 80, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính xã KT lập năm 2015), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 868854 ngày 31/12/2016 do UBND huyện YK cấp ghi tên chủ sử dụng đất là Phạm Thị Nh; địa chỉ thửa đất tại thôn 14, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có kích thước các chiều như sau:

- Phía đông nam giáp đường trục xã rộng 10,04 m;
- Phía tây nam giáp thửa 133 dài 30,19 m;
- Phía tây bắc giáp rãnh nước rộng 9,92 m;
- Phía đông bắc giáp thửa 79 dài 30,22 m.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Nh: Buộc vợ chồng ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị O phải tháo dỡ các tài của mình đã xây dựng trên thửa đất số 80, tờ bản đồ số 25 bản đồ địa chính xã KT lập năm 2015, các tài sản phải tháo dỡ gồm: 02 cây bơm xăng dầu; 02 téc chứa xăng dầu; 4,5m tường bao giáp thửa đất số 133; 01 nhà ở diện tích 140m^2; 69,8m^2 sân bê tông; nhà mái của cây xăng gồm "04 cột bê tông, 04 cột trống bằng thép trụ tròn, 68,9m^2 mái lợp tôn đỡ mái bằng thép hình", để trả lại quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Nh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2023 bị đơn ông Phạm Văn D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình với lý do: thửa đất số 80 này là tài sản chung của hai chị em ông D và bà Nh, nên ông D chỉ thuê của bà Nh một nửa thửa đất và thời hạn ông D phải trả lại cho bà Nh là đến năm 2057. Tòa án sơ thẩm tuyên ông D phải trả lại cho bà Nh thửa đất số 80 nêu trên là không đúng. Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Nh.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông D vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo của mình, đề nghị Tòa sửa bản án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H, bà S, bà Th, ông Ư đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xử: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn D.

- Sửa bản án sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình tại mục 2.2 theo hướng không buộc vợ chồng ông D phải tháo dỡ 69,8m^2 sân bê tông, 4,5m tường bao. Bà Nh được quyền sở hữu 69,8m^2 sân bê tông, 4,5m tường bao trên diện tích đất ông D trả cho bà Nh. Bà Nh có nghĩa vụ thanh toán số tiền 55.626.251 đồng trị giá sân bê tông và 758.131 đồng giá trị tường bao cho vợ chồng ông D.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí phúc thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên ông D là người kháng cáo không phải nộp án phí, được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn D được làm trong thời hạn luật định; hình thức, nội dung đơn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy đơn kháng cáo của ông Phạm Văn D hợp lệ, nên được xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: bị đơn ông D kháng cáo bản án sơ thẩm. Do đó, căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo nội dung đơn kháng cáo của người kháng cáo.

[1.3] Về đảm bảo quyền tham gia phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 296 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[1.4] Tại phiên tòa: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ư đề nghị thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa với lý do: Tại phiên tòa hoãn ngày 15/01/2024 sau khi Tòa án đã hoãn phiên tòa, thì Kiểm sát viên đứng nói chuyện trao đổi với 4 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nên ông Ư thấy không yên tâm, không tin tưởng, nên đề nghị thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy: đề nghị thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ. Do đó, căn cứ Điều 56 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1]. Về nội dung vụ án, tài sản tranh chấp:

Bà Nh cho rằng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 25 xã KT, diện tích 301,3m^2 là của bà Nh và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nh, năm 2008 bà Nh cho ông D mượn thửa đất trên để ông D kinh doanh bán xăng dầu, thời hạn cho mượn là 49 năm, hai bên có ký xác nhận vào Đơn xin chứng thực ngày 14/7/2008, nội dung có ghi *"Để giải quyết công ăn việc làm cho gia đình, tôi có lô đất hiện tại đang ở tờ bản đồ số 08, thửa 371, nay tôi cho em trai tôi là Phạm Văn D mượn để kinh doanh xăng dầu, thời hạn lâu dài là 49 năm"*. Từ năm 2018 đến nay ông D không kinh doanh xăng dầu trên thửa đất này nữa, bà Nh đã nhiều lần yêu cầu ông D trả lại thửa đất để bà Nh sử dụng, nhưng ông D không trả và còn xây dựng thêm ngôi nhà trên đất của bà Nh để ở.

Ông D cho rằng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 25 xã KT được cấp là chung của gia đình bố mẹ ông D, bà Nh và của cả ông D, gia đình ông D cho bà Nh đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1991 ông D được bố mẹ giao cho thửa đất để vượt lập xây nhà, hiện nay bố mẹ ông D đã chết, nên thửa đất này là tài sản chung của ông D và bà Nh. Năm 2008 khi ông D mở cửa hàng kinh doanh bán xăng dầu, vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nh, nên ông D và bà Nh thỏa thuận ông D thuê của bà Nh 1/2 thửa đất phần của bà Nh với thời hạn là 49 năm, mỗi tháng ông D trả tiền thuê đất cho bà Nh là 2.000.000 đồng, đã trả nhiều lần, nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu ông D không nhớ, mỗi lần trả hai bên không viết giấy tờ gì. Sau khi thuê thửa đất, ông D đã lắp đặt trụ bơm xăng, téc xăng, xây tường bao, làm mái nhà cây xăng...đến năm 2010 ông D chuyển ngành nghề để bà Th kinh doanh. Từ năm 2018 đến nay doanh nghiệp tư nhân ThT của ông D đã dừng hoạt động, không kinh doanh bán xăng dầu nữa. Năm 2020 vợ chồng ông D có xây dựng 01 ngôi nhà và sân tại thửa đất này để ở. Nay bà Nh yêu cầu ông D phải tháo dỡ trụ xăng, téc xăng và toàn bộ các tài sản do ông D xây dựng trên thửa đất, ông D không đồng ý, vì chưa hết thời hạn 49 năm, đến khi hết 49 năm ông D sẽ tự tháo dỡ trả lại đất cho bà Nh.

[2.2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: ông D kháng cáo cho rằng năm 2008 khi ông D mở cửa hàng kinh doanh bán xăng dầu, vì bìa đỏ thửa đất mang tên bà Nh, nên ông D và bà Nh đã thỏa thuận mượn đất của bà Nh là 49 năm, nhưng thực chất là thuê 49 năm. Thửa đất này là của hai chị em ông D và bà Nh, nên ông D chỉ thuê của bà Nh có một nửa thửa đất và đến thời hạn ông D phải trả lại đất cho bà Nh là năm 2057.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự không có chứng cứ để xác định việc thuê đất theo quy định của luật Đất đai. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bản đồ địa chính xã KT lập năm 1994 gồm: sổ mục kê, sổ địa chính, trích lục bản đồ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Kim Sơn cấp ngày 24/8/1994 thể hiện thửa đất số 371, tờ bản đồ số 08 diện tích 300m^2 chủ sử dụng đất ghi tên bà Nh. Trích lục bản đồ địa chính, sổ địa chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đổi năm 2016, thửa đất 371 (nay là thửa số 80, tờ bản đồ số 25, diện tích 301,3m^2, địa chỉ thửa đất tại thôn 14, xã KT, huyện YK, đã được UBND huyện YK cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 868854 ngày 31/12/2016 mang tên chủ sử dụng đất bà Phạm Thị Nh; hiện nay thửa đất ông D đang quản lý, sử dụng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh chị em ruột của ông D, bà Nh gồm: ông Đ, bà S, bà H, bà Th, bà Ch đều xác nhận năm 1990 xã có chủ trương cấp đất giãn dân, bà Nh đủ tiêu chuẩn đã làm đơn xin và được cấp đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nh; Ông Ư, ông Tr xác nhận có nghe kể lại thời điểm cấp đất bà Nh có gia đình đang ở với bố mẹ, nên gia đình có cho bà Nh đứng tên thửa đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nh. Ông D cũng thừa nhận tiêu chuẩn được cấp thửa đất số 371 là của bà Nh, tên trong đơn xin cấp đất mang tên bà Nh, ông D chỉ viết hộ, nhà nước cấp đất giãn dân có thu tiền, bà Nh đi nộp tiền, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 mang tên bà Nh. Từ khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 371 mang tên bà Nh từ năm 1994 đến nay, bố mẹ và anh chị em ruột của bà Nh đều không ai có ý kiến gì về việc UBND cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nh.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm ông D có nộp 01 bản phô tô của bà Bùi Thị E đề ngày 02/4/2018, ông D cho rằng đây là di nguyện của bố mẹ thể hiện nội dung thửa đất hiện đang tranh chấp được bố mẹ phân chia cho ông D và bà Nh mỗi người một nửa thửa đất. Tuy nhiên, ông D xác nhận không có bản gốc chỉ có bản phô tô. Xét thấy, tài liệu do ông D nộp tại phiên tòa là bản phô tô không có giá trị pháp lý để làm chứng cứ chứng minh theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ông D cũng thừa nhận không có ý kiến gì về việc bà Nh được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh rằng thửa đất đó là của

chung hai chị em giữa bà Nh và ông D, ông D cũng không chứng minh được rằng ông D thuê 1/2 thửa đất của bà Nh và đã trả đủ tiền thuê đất cho bà Nh. Ông D thừa nhận chữ ký trong bản phô tô tại Đơn xin UBND xã KT chứng thực đề ngày 14/7/2008 do bà Nh cung cấp có thể hiện nội dung *"Bà Nh cho ông D mượn thửa đất 371 tờ bản đồ số 8 để kinh doanh xăng dầu, thời hạn lâu dài 49 năm"*, ông D đã ký tại mục người mượn đất, UBND xã đã xác nhận bà Nh có thửa đất số 371, sử dụng lâu dài ghi trong đơn là đúng. Mặc dù giấy cho mượn đất giữa các bên lập ngày 14/7/2008 do bà Nh nộp cho Tòa án là bản phô tô, hiện không còn bản gốc, nhưng cả hai bên đều thừa nhận có việc hai bên lập giấy mượn đất thời hạn là 49 năm. Do đó, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy, có thể khẳng định việc ông D sử dụng thửa đất 371 nay là thửa 80, tờ bản đồ số 25 là do mượn thửa đất của bà Nh; ngày 14/7/2008 bà Nh và ông D đã tự nguyện thỏa thuận với nhau và hai bên cùng ký xác nhận về việc bà Nh cho ông D mượn thửa đất để kinh doanh bán xăng dầu thời hạn lâu dài là 49 năm, hiện nay ông D không kinh doanh bán xăng dầu trên diện tích đất mượn của bà Nh. Trong đơn ngày 14/8/2008 không thể hiện, điều kiện ông D phải trả trước thời hạn...Do vậy, khi mượn thửa đất thời hạn 49 năm để kinh doanh, ông D đã lắp đặt, đầu tư xây dựng các tài sản có giá trị trên thửa đất để kinh doanh; khi chưa hết thời hạn 49 năm như đã thỏa thuận, mà bà Nh yêu cầu ông D phải trả lại thửa đất trước thời hạn thỏa thuận và buộc phải tháo dỡ các tài sản công trình xây dựng trên đất để trả lại thửa đất cho bà Nh, sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của ông D đã đầu tư xây dựng trên thửa đất.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh, buộc ông D phải trả lại diện tích 301,3m^2 đất tại thửa 371, tờ bản đồ số 08 (nay là thửa 80 tờ bản đồ số 25) cho bà Nh là có căn cứ.

[2.4] Tuy nhiên, bản án sơ thẩm buộc vợ chồng ông D phải tháo dỡ toàn bộ các tài sản công trình xây dựng trên thửa đất 80 gồm: ngôi nhà ở diện tích 140m^2 trị giá 216.948.624 đồng, sân bê tông diện tích 69,8m^2 trị giá 55.626.251 đồng, tường bao dài 4,5m trị giá 758.131 đồng, để trả lại thửa đất cho bà Nh là chưa phù hợp; bởi vì ngôi nhà, sân bê tông, tường bao khi tháo dỡ sẽ không còn nguyên vẹn, mất giá trị sử dụng. Trong trường hợp này bà Nh cũng có lỗi khi đòi lại tài sản trước thời hạn 49 năm đã được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mượn lập ngày 14/7/2008. Do đó, cần giao cho bà Nh được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: 01 ngôi nhà ở diện tích 140m^2 trị giá 216.948.624 đồng, sân bê tông diện tích 69,8m^2 trị giá 55.626.251 đồng, tường bao giáp thửa 133 dài 4,5m trị giá 758.131 đồng. Tổng giá trị các tài sản là 273.333.006 đồng và có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho ông D là mới đảm bảo được quyền, lợi

ích hợp pháp của gia đình ông D. Các tài sản khác còn lại trên thửa đất gồm: 02 cây bơm xăng, 02 téc chứa xăng, Nhà mái của cây xăng gồm 04 cột bê tông, 04 cột trống bằng thép trụ tròn mái lợp tôn đỡ mái bằng thép hình, ông D phải có trách nhiệm tháo dỡ để trả lại thửa đất cho bà Nh.

[2.5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn D. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

[2.6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, bà Nh đã nộp và tự nguyện chịu chi phí tố tụng, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[2.8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên ông D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 494, Điều 496, Điều 499, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

- Buộc ông Phạm Văn D phải trả lại cho bà Phạm Thị Nh diện tích 301,3m^2 đất tại thửa số 371, tờ bản đồ số 08 (nay là thửa số 80, tờ bản đồ số 25), bản đồ địa chính xã KT lập năm 2015, đã được UBND huyện YK cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 868854 ngày 31/12/2016 mang tên bà Phạm Thị Nh; địa chỉ thửa đất: tại thôn 14, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có kích thước các chiều cạnh như sau:

Phía Đông Nam giáp đường trục xã rộng 10,04 m;

Phía Tây Nam giáp thửa 133 dài 30,19 m;

Phía Tây Bắc giáp rãnh nước rộng 9,92 m;

Phía Đông Bắc giáp thửa 79 dài 30,22 m.

- Bà Phạm Thị Nh được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: 01 ngôi nhà ở diện tích 140m^2 trị giá 216.948.624 đồng, sân bê tông diện tích 69,8m^2 trị giá 55.626.251 đồng, đoạn tường bao giáp thửa 133 dài 4,5m trị giá 758.131

đồng. Tổng giá trị các tài sản là 273.333.006 đồng và phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 273.333.006 đồng (hai trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, không trăm linh sáu đồng) cho ông Phạm Văn D.

- Buộc vợ chồng ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị O phải tháo dỡ các tài sản đã xây dựng lắp đặt trên thửa đất số 80, tờ bản đồ số 25 bản đồ địa chính xã KT lập năm 2015, các tài sản phải tháo dỡ gồm: 02 cây bơm xăng, 02 téc chứa xăng, Nhà mái của cây xăng gồm: 04 cột bê tông, 04 cột trống bằng thép trụ tròn mái lợp tôn đỡ mái bằng thép hình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Phạm Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông D đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0005763 ngày 12/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 26 tháng 01 năm 2024./.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thị Sâm

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND huyện YK;
- Chi cục THADS huyện YK;
- Phòng KTNV-THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Dân sự;
- Lưu phòng HCTP.